

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/HNGĐ - ST
Ngày 10 tháng 6 năm 2025
“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Trọng Điền; Ông Huỳnh Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Khưu Huỳnh Mỹ Ngọc – Thư ký viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 130/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Trúc G, sinh năm 1985. Nơi cư trú: số B, đường số C, khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Thi Cẩm S, sinh năm 1982. Nơi cư trú: hẻm A, đường L, khóm C, phường C B, thành phố C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Bà G và ông S quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C B, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 313, ngày 15/12/2009. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông S. Về con chung, bà G và ông S có 02 con tên Thi Cẩm T, sinh ngày 02/11/2010 và Thi Minh T1, sinh ngày 13/10/2015. Các con đang sống cùng cha, mẹ. Sau khi ly hôn, bà G yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà G và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Thi Cẩm S vắng mặt trong quá trình tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố C nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án cấp, tổng đạt nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp

Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 313/HT, ngày 15/12/2009 của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không tin tưởng nhau và thiếu sự chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng, dẫn đến bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng và chia sẻ nhau những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn không quan tâm, không tham gia hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét về tình nghĩa vợ chồng thì cả hai không còn nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị

đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Về con chung: Bà G và ông S có 02 con chung tên Thi Cẩm T, sinh ngày 02/11/2010 và Thi Minh T1, sinh ngày 13/10/2015. Bà G yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng các con sau ly hôn nhưng ông S không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh, thu nhập của bà G (công tác tại bưu điện thành phố C) và nguyện vọng của các con, chấp nhận giao quyền cho bà G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà G cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Bà G không yêu cầu nên không xét đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn cho rằng không có tài sản chung, nợ chung nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Trúc G được ly hôn với ông Thi Cẩm S. Quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông S chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Bà G được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con tên Thi Cẩm T, sinh ngày 02/11/2010 và Thi Minh T1, sinh ngày 13/10/2015. Bà G cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự

có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Bà G không yêu cầu nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm Thị Trúc G phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006185 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Châu Đốc;
- VKSND Tp.Châu Đốc;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- **UBND phường Châu Phú B, Tp.Châu Đốc;**
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam